

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH ĐẮK LẮK

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 270/2025/DS-PT

Ngày 16 – 7 – 2025

“V/v Kiện đòi tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường, bà Lê Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2025/TLPT-DS ngày 22/4/2025 về việc “Kiện đòi tài sản”.

Do có kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị C đối với Bản án sơ thẩm số 02/2025/DSST ngày 09/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đắk Lắk).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 252/2025/QĐ-PT ngày 10/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 257/2025/QĐ-PT ngày 08/7/2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Đặng Thị Thuỳ L; địa chỉ: Thôn 7, xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường TA, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

- Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Phan Minh H; địa chỉ: Số nhà 57, thôn 1, xã CE, thành phố B, Đắk Lắk (Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành Đ (vắng mặt) và bà Võ Thị C (có mặt); địa chỉ: Thôn TH, xã ĐY, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã ĐY, tỉnh Đắk Lắk).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông YM Mlô; địa chỉ: Thôn 7, xã HT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường TA, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

2. Bà Huỳnh Thu S; địa chỉ: Buôn ED, xã ĐY, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã ĐY, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

*** Người kháng cáo:** Bị đơn bà Võ Thị C, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị Thuỳ L và đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Vào ngày 12/01/2010, bà Đặng Thị Thuỳ L có cho vợ chồng ông Nguyễn Thành Đ và bà Võ Thị C mượn 3.300kg cà phê nhân xô. Khi cho ông Đ, bà C mượn thì ông bà có hẹn đến ngày 12/3/2010 sẽ trả toàn bộ số cà phê trên. Để tin tưởng nhau, các bên có lập "Giấy mượn cà phê nhân xô đủ độ", ngày 12/01/2010. Mặt khác, để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Đ và bà C đã giao cho bà L "Giấy xin xác nhận quyền sử dụng đất thổ cư và quyền sở hữu nhà", ngày 12/9/2001 và 02 Giấy chứng minh nhân dân của ông Đ, bà C.

Đến kỳ hạn trả nợ, ông Đ và bà C không trả được nợ mà còn vay thêm 1.000kg cà phê nhân xô nữa. Do không trả được nợ, ông Đ và bà C có viết "Giấy hẹn nợ" ngày 15/10/2012 với tổng số lượng cà phê mà ông bà nợ bà L là 4.300kg cà phê nhân xô và cam kết đến cuối năm 2012 sẽ trả 300kg cà phê nhân xô, số còn lại sẽ nợ tiếp. Nay đã quá thời hạn mà các bên cam kết nhưng ông Đ, bà C vẫn không chịu trả. Do đó, bà L đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Võ Thị C trả 4.300kg cà phê nhân xô cho bà Đặng Thị Thuỳ L số cà phê nhân xô trên. Tuy nhiên, sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết thì bà Huỳnh Thu S đã nhận nợ trả giùm 1.600kg cà phê nhân xô cho ông Đ, bà C. Vì vậy, với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Thuỳ L thì tôi yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ và bà Võ Thị C phải trả cho bà Đặng Thị Thuỳ L là 2.700kg cà phê nhân xô.

*** Bị đơn bà Võ Thị C trình bày:**

Trong thời gian từ năm 2008 đến năm 2009, vì hoàn cảnh khó khăn nên tôi và ông Đ có vay của bà Đặng Thị Thuỳ L số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), với lãi suất là 5.000đồng/1.000.000 đồng/ngày. Do không có tiền trả nợ gốc nên hàng tháng tôi và ông Đ trả tiền lãi đối với số tiền trên. Khoảng một năm sau, tôi và ông Đ có vay thêm của bà L số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), cũng với lãi suất là 5.000đồng/1.000.000 đồng/ngày. Do hoàn cảnh khó khăn, không có tiền trả nên bà L quy số tiền gốc và lãi thành cà phê nhân xô. Trong thời gian hai năm, bà quy ra số cà phê nhân xô tôi và ông Đ còn nợ bà L là 4.300kg cà phê nhân xô. Do điều kiện khó khăn nên bà L cho tôi và ông Đ trả mỗi năm 200kg cà phê nhân xô cho đến khi hết nợ. Quá trình trả, tôi đã trả được cho bà L được 2.000kg, tương đương với số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông YM Mlô trình bày:**

Ông là chồng của bà Đặng Thị Thuỳ Lan. Hiện nay vợ chồng ông Đ, bà C đang nợ vợ chồng tôi 2.700 kg cà phê nhân xô. Do đó vợ tôi bà Đặng Thị Thuỳ Lan khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà C trả số cà phê nhân xô 2.700 kg thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thu S trình bày:**

Trước đây, ông Nguyễn Thành Đ và bà Võ Thị C còn nợ bà Đặng Thị Thuỳ L trả 4.300kg cà phê nhân xô. Tuy nhiên, do điều kiện hoàn cảnh của ông Đ, bà C khó khăn nên tôi nhận nợ trả giùm 1.600kg cà phê nhân xô cho bà Đặng Thị Thuỳ L thay cho ông Đ và bà C. Hiện nay, bà Đặng Thị Thuỳ L chỉ yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ và bà Võ Thị C trả 2.700kg cà phê nhân xô cho bà Đặng Thị Thuỳ L thì tôi đồng ý nên cũng không có ý kiến gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã đã triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bị đơn ông Nguyễn Thành Đ không đến làm việc nên không có lời khai.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2025/DSST ngày 09/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đắk Lắk) đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 105. Điều 165; Điều 166; Điều 494 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thuỳ L.

Buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Võ Thị C phải trả cho bà Đặng Thị Thuỳ L 2.700kg cà phê nhân xô. Sau khi ông Đ, bà C trả hết 2.700 kg cà phê nhân xô thì bà L có nghĩa vụ trả lại cho ông Đ, bà C một Giấy xin xác nhận quyền sử dụng đất thổ cư và quyền sở hữu nhà và hai chứng minh nhân dân mang tên ông Đ, bà C.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Võ Thị C trả cho bà Đặng Thị Thuỳ L số tiền 1.600kg cà phê nhân xô.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*** Kháng cáo:** Ngày 24/02/2025, bị đơn bà Võ Thị C kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án sơ thẩm, vì việc nợ giữa hai bên từ khoản tiền vay và tiền lãi nặng chuyển thành nợ cà phê nhân.

Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ đã được Tòa án tổng đạt Bản án hợp lệ nhưng không có kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và bị đơn bà Võ Thị C giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, cũng như các đương sự đã thực hiện đúng

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 09/01/2025, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm và tuyên án nhưng bị đơn bà Võ Thị C vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 12/02/2025, bà Võ Thị C mới nhận được Bản án sơ thẩm, đến ngày 24/02/2025 bà C nộp đơn kháng cáo là trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị C, thì thấy:

Tại "Giấy mượn cà phê nhân xô đủ độ" ghi ngày 12/01/2010 thể hiện nội dung: Ông Nguyễn Thành Đ và bà Võ Thị C mượn bà Đặng Thị Thủy L 3.300kg cà phê nhân xô đủ độ, hẹn đến ngày 12/3/2010 sẽ trả đủ. Tại thời điểm mượn cà phê bà L giữ 01 “giấy xin xác nhận quyền sử dụng đất thổ cư và sở hữu nhà” của ông Đ, bà C.

Đến hạn trả nợ nhưng ông Đ, bà C không trả được nợ như đã cam kết nên ngày 10/5/2010, ông Đ, bà C viết “Giấy hẹn nợ” với nội dung: Ông Đ, bà C nợ bà L 4.300kg cà phê nhân xô, hẹn đến cuối năm 2012 trả trước 300kg, còn lại xin trả tiếp. (Trong tổng số 4.300kg cà phê nhân xô nêu trên có 3.300kg cà phê nhân số mượn ngày 12/01/2010 và 1.000kg cà phê nhân xô ngày 10/5/2010 ông Đ, bà C mượn thêm).

Quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thu S nhận trả giùm 1.600kg cà phê nhân xô cho bà Đặng Thị Thủy L thay cho ông Đ và bà C nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả 2.700kg cà phê nhân xô.

Xét thấy, giao dịch dân sự giữa bà L và ông Đ, bà C được các bên tự nguyện thỏa thuận giao kết, không lừa dối, ép buộc, không trái với đạo đức của xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được pháp luật bảo vệ. Do ông Đ, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà L, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Đ, bà Võ Thị C phải trả cho nguyên đơn là bà Đặng Thị Thủy L 2.700 kg cà phê nhân xô và Đình chỉ đối với yêu cầu buộc bị đơn trả 1.600kg cà phê nhân xô là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Võ Thị C cho rằng thực tế không có việc ký nhận nợ cà phê nhân xô mà do vào năm 2008 - 2009 vợ chồng bà vay tiền của bà L. Sau đó, do không trả được nợ nên hai bên thỏa thuận quy ra thành cà phê nhân xô. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng

minh việc mình trình bày. Nguyên đơn cũng không thừa nhận nên không có cơ sở để chấp nhận lập luận này của bị đơn bà Võ Thị C.

Tại phiên tòa, bà C còn trình bày do điều kiện, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin được giảm khoản nợ và xin trả dần nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định trên xét thấy kháng cáo bị đơn bà Võ Thị C là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không Đ chấp nhận nên bà Võ Thị C phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị C.

Giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm số 02/2025/DSST ngày 09/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đắk Lắk).

[1] Áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 105. Điều 165; Điều 166; Điều 494 của Bộ luật dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thuỳ L: Buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Võ Thị C phải trả cho bà Đặng Thị Thuỳ L 2.700kg (Hai ngàn bảy trăm ki lô gam) cà phê nhân xô.

Sau khi ông Đ, bà C trả hết 2.700 kg (Hai ngàn bảy trăm ki lô gam) cà phê nhân xô thì bà L có nghĩa vụ trả lại cho ông Đ, bà C một Giấy xin xác nhận quyền sử dụng đất thổ cư và quyền sở hữu nhà và hai chứng minh nhân dân mang tên ông Đ, bà C.

- Đình chỉ đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Võ Thị C trả cho bà Đặng Thị Thuỳ L số tiền 1.600kg (Một ngàn sáu trăm ki lô gam) cà phê nhân xô.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ và bà Võ Thị C phải nộp số tiền 16.200.000 đồng (Mười sáu triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Võ Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà C đã

nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2023/0012048 ngày 10/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 10). Như vậy, bà C đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng (Nay là TAND khu vực 10);
- CCTHADS huyện Krông Năng (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 10);
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr